|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, đường sắt**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, đường sắt.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**[**78/2016/NĐ-CP**](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-4d7a5.html)**ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa như sau**:

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số [78/2016/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-4d7a5.html) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

2.Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số [78/2016/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-4d7a5.html) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

3. Thay thế cụm từ “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số [78/2016/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-4d7a5.html) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

4. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại khoản 4 Điều 10 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số [78/2016/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-4d7a5.html) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

5. Thay thế “cụm từ “Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội Vụ” tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số [78/2016/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-4d7a5.html) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

6. Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số [78/2016/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-4d7a5.html) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 55 như sau:

“1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện được thế chấp); giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn;các giấy tờ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là giấy tờ) thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực trong trường hợp phương tiện là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải lưu lại bản saogiấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.”

2. Bổ sung Điều 56a vào sau Điều 56 như sau:

“**Điều 56a. Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử**

1. Khi thông tin của các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định này đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì thực hiện việc kiểm tra thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý; việc kiểm tra thông tin của giấy tờ trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý có giá trị như kiểm tra bản chính giấy tờ đó.

2. Tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ

a) Khi tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ, người có thẩm quyền thực hiện việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó trên hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để người vi phạm, chủ phương tiện (đối với giấy tờ của chủ phương tiện) biết, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm;

b) Giấy tờ đã có thông tin bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì người có thẩm quyền ra quyết định, lập biên bản trả lại giấy tờ cho người bị xử phạt theo quy định. Khi kết thúc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ, hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó;

c) Người có thẩm quyền xử phạt tra cứu biên lai điện tử thu tiền xử phạt vi phạm hành chính được hệ thống cổng dịch vụ công gửi về để in, lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và làm căn cứ trả lại giấy tờ bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Các loại biên bản, quyết định của người có thẩm quyền trong việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, trả lại giấy tờ được thực hiện theo biểu mẫu quy định của pháp luật và có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, ứng dụng, hệ thống thông tin điện tử khác khi đủ điều kiện kỹ thuật thực hiện.”.

3. Bãi bỏ cụm từ "khoản 1" tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 16; bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 32.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 39 như sau:

“đ) Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định việc cấp giấy phép vận tải hàng nguy hiểm cho các loại thuốc bảo vệ thực vật và giấy phép vận tải hàng nguy hiểm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

**“Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách trung ương theo quy định trình Chính phủ để thực hiện việc thu hẹp, giảm, xóa bỏ các đường ngang không phù hợp với quy định tại Nghị định này.

2. Bố trí nguồn vốn ngân sách hằng năm để thực hiện thu hẹp, giảm, xóa bỏ các lối đi tự mở, các đường ngang không phù hợp với quy định của Luật Đường sắt đáp ứng lộ trình quy định tại Nghị định này.

3. Bố trí nguồn vốn ngân sách để hỗ trợ cho doanh nghiệp kinh doanh đường sắt trong trường hợp vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, vận tải phục vụ an sinh xã hội theo quy định của Nghị định này.”

4. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng”  
tại điểm b khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 17; khoản 3 Điều 29; khoản 2, khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 33; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 46; khoản 1, khoản 3, 4 Điều 47; Điều 48; Điều 50; khoản 1, khoản 4 Điều 52 Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt

5. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

6. Bãi bỏ điểm e khoản 2 Điều 39 và Điều 50.

7. Thay thế Mẫu số 02 và Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt bằng Mẫu số 02 và Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước khi Nghị định này có hiệu lực mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, KTN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |

**PHỤ LỤC I**

**MẪU CÁC VĂN BẢN SỬ DỤNG**

**TRONG HOẠT ĐỘNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)*

1. Mẫu số 01: TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

2. Mẫu số 02: BIÊN BẢN KIỂM TRA, XÉT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

3. Mẫu số 03: TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo:

a) Người đại diện pháp luật:

- Họ và tên:......................................;

- Ngày, tháng, năm sinh:....................................................................................................

- Căn cước công dân/Căn cước/ĐDCN:…………………...............................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:...............................................................................

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số.…....... ngày…..…/…..…/……… của..........................................................................

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở đào tạo (*Đề nghị nêu rõ: Tên cơ sở; tên giao dịch quốc tế (nếu có); địa chỉ; điện thoại; fax; email*).

**II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO**

1. Phòng học chuyên môn

Tổng số phòng học hiện có, từng loại phòng, số phòng, diện tích (m2) đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có phục vụ các môn học.

2. Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

Hiện trạng về xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có.

3. Nội dung, chương trình đào tạo.

4. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:...................................................................................

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:..................................................................................

- Số lượng giáo viên dạy tích hợp:………………………………………………………………

5. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Trình độ đào tạo** | | **Hình thức tuyển dụng** | | **Loại, hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn/thời gian đảm nhiệm chức danh** | **Ghi chú** |
| **Chuyên môn** | **Sư phạm** | **Cơ hữu** | **Thỉnh giảng** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Đánh giá chung, đề nghị:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO** |

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**KIỂM TRA, XÉT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Căn cứ Nghị định số ……/20……/NĐ-CP ngày ……/....../20…… của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Xét đề nghị của …………. tại văn bản số ….. ngày ….. về việc ......................................

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm …… tại .................................................................

Đại diện cơ quan có thẩm quyền cấp:

..........................................................................................................................................

Đại diện cơ sở đào tạo:

..........................................................................................................................................

Đã tiến hành kiểm tra Điều kiện của cơ sở đào tạo …….. Kết quả kiểm tra như sau:

**I. VỀ TỔ CHỨC**

Tên cơ sở đào tạo: .............................................................................................................

Quyết định thành lập: .........................................................................................................

Cơ quan chủ quản: .............................................................................................................

Địa chỉ: ..............................................................................................................................

Điện thoại:…………………………………………… Email: .........................................

**II. ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

1. Phòng học chuyên môn

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Phòng học Điều khiển phương tiện thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Phòng học lý thuyết máy - điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Phòng học thủy nghiệp cơ bản (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

2. Phòng thi, kiểm tra (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

3. Xưởng thực hành máy- điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

4. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy

- Cầu tàu, báo hiệu giới hạn vùng nước, cọc bích và đệm chống va

- Phương tiện thực hành, Giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa...

5. Nội dung, chương trình đào tạo (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

6. Đội ngũ giáo viên (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Đối với giáo viên dạy lý thuyết

- Đối với giáo viên dạy thực hành.

- Đối với giáo viên dạy tích hợp.

Với kết quả kiểm tra như trên, Đoàn kiểm tra đề nghị …. (Cơ quan có thẩm quyền cấp) xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo loại …. đối với cơ sở đào tạo.

(Trường hợp chưa đủ Điều kiện xem xét, cấp Giấy chứng nhận, Đoàn kiểm tra nêu rõ lý do, biện pháp khắc phục, hướng giải quyết...).

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  **CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP** |
|  |  |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……….. | *………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG**

Kính gửi: ~~Cục Đường thủy nội địa Việt Nam Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải~~.... (cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa): .......................................................................

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số ……. ngày……… do…………………. (Cơ quan có thẩm quyền cấp)

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng): ............................................

.......................................................................................................................................... (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  **CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO** |

**PHỤ LỤC II**

**CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)*

1. Mẫu số 02: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT

2. Mẫu số 05: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT**

Kính gửi: (Tên cơ quan đầu mối cấp Giấy phép)

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm:....................

Địa chỉ: ...................................................................................................................

Điện thoại ............................................. Email: .....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ……………… Do (tên cơ quan cấp) cấp ngày …... tháng ...... năm ……………………………………………………

Họ tên người đại diện pháp luật ...................................Chức danh ………….........

Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………………………………………

Căn cước công dân/Căn cước/ĐDCN/Hộ chiếu số:..............................................

Đơn vị cấp: ................................................................. ngày cấp ...........................[[1]](#footnote-1)

Đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm là các chất nguy hiểm sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng nguy hiểm** | **Số UN** | **Loại nhóm hàng** | **Số hiệu nguy hiểm** | **Khối lượng vận tải (dự kiến)** | **Ga đi - Ga đến** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm bao gồm:

1. .............................................................................................................................

2. .............................................................................................................................

………………(tên tổ chức, cá nhân) ………………….cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận tải hàng nguy hiểm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày ….tháng.... năm…..* **Đại diện tổ chức, cá nhân** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 05**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT**

Kính gửi: ………..(Tên cơ quan đầu mối cấp Giấy phép)

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm: .............

Địa chỉ: ..................................................................................................................

Điện thoại ........................................................ Email: .........................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …………………………………......

Họ tên người đại diện pháp luật .................................... Chức danh ………………

Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………………………………………

Căn cước công dân/Căn cước/ĐDCN/Hộ chiếu số:..............................................

Đơn vị cấp: ................................................................. ngày cấp ...........................[[2]](#footnote-2)

Để vận tải hàng nguy hiểm, tổ chức/cá nhân ………….. (ghi tên tổ chức, cá nhân) đã được ………………….. (Ghi tên cơ quan đầu mối đã cấp Giấy phép) cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm số ………..ngày ... tháng.... năm.... Hàng nguy hiểm đã được cấp Giấy phép vận tải, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng nguy hiểm** | **Số UN** | **Loại nhóm hàng** | **Số hiệu nguy hiểm** | **Khối lượng vận tải (dự kiến)** | **Ga đi - Ga đến** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |

Do ................................................................................................  (ghi rõ lý do, ví dụ như: sơ suất đánh mất/bị thất lạc/bị hư hỏng...) Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm (bản gốc) đã được quý cơ quan cấp nêu trên, .... (tên tổ chức, cá nhân)... đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm nêu trên.

Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận tải bao gồm:

1 ..............................................................................................................................

2 ..............................................................................................................................

Tổ chức, cá nhân cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận tải hàng nguy hiểm, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…..., ngày ...... tháng.... năm 20…..* **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

1. Trường hợp công dân Việt Nam đã được cấp căn cước công dân thì không phải khai [↑](#footnote-ref-1)
2. Trường hợp công dân Việt Nam đã được cấp căn cước công dân thì không phải khai [↑](#footnote-ref-2)